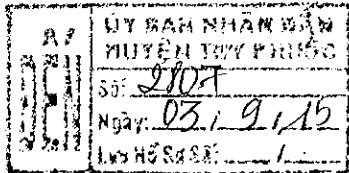


Số: 26 /2015/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 06 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai
trên địa bàn tỉnh Bình Định



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 11 về việc ban hành mới, sửa đổi, bổ sung quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp phí

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai theo quy định.

2. Các trường hợp không thu phí

a) Cung cấp thông tin về danh mục dữ liệu có trong cơ sở dữ liệu đất đai; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; khung giá đất, bảng giá đất đã công bố; thông tin về các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai; các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai.

b) Trường hợp cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh; phục vụ theo yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp.

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan Tài nguyên và Môi trường ở địa phương, UBND các cấp khi sử dụng dữ liệu đất đai để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai.

3. Mức thu

a) Mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh được quy định cụ thể như Phụ lục kèm theo Quyết định này. Mức thu này không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu.

b) Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết nội dung cung cấp tài liệu đất đai đối với từng mức thu nêu tại điểm a Khoản này.

4. Cơ quan thu

a) Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh và cấp huyện (hoặc Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh).

b) Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) UBND xã, phường, thị trấn.

5. Tỷ lệ % để lại cho cơ quan thu

Cơ quan thu được để lại 50% số phí thu được để phục vụ cho công tác thu phí; số phí còn lại 50% nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Điều 1 Quyết định này.

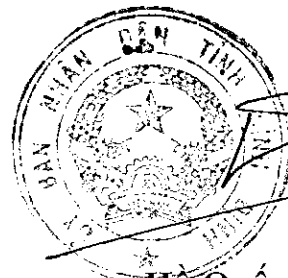
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký; bãi bỏ Quyết định số 136/2003/QĐ-UB ngày 08/8/2003 của UBND tỉnh về việc ban hành mức thu và tỷ lệ để lại đối với phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, K4, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục

MỨC THU PHÍ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU ĐẤT ĐAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh Bình Định)



Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Đối với tổ chức	Đối với Hộ gia đình, cá nhân
I	Hồ sơ đất đai dạng giấy			
1	Tra cứu thông tin: về tên chủ sử dụng đất, số thửa, tờ bản đồ, diện tích, loại đất; trạng thái pháp lý của Giấy chứng nhận.	Hồ sơ	30.000 đồng	15.000 đồng
2	Trích lục hồ sơ: cấp Giấy chứng nhận, hồ sơ địa chính (bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê, sổ theo dõi biến động, sổ cấp Giấy chứng nhận)	Hồ sơ	100.000 đồng	50.000 đồng
3	Trích sao hồ sơ: bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê, sổ theo dõi biến động, sổ cấp Giấy chứng nhận; hồ sơ cấp giấy chứng nhận; hồ sơ đo đạc.	Hồ sơ	120.000 đồng	60.000 đồng
II	Hồ sơ đất đai dạng số			
1	Tra cứu thông tin từ cơ sở dữ liệu đất đai thông qua mạng Internet, tin nhắn SMS đối với các nội dung như: về tên chủ sử dụng đất, số thửa, tờ bản đồ, diện tích, loại đất; trạng thái pháp lý của Giấy chứng nhận.	Hồ sơ	30.000 đồng	15.000 đồng
2	Trích lục hồ sơ từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai: hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, hồ sơ địa chính (bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê, sổ cấp Giấy chứng nhận)	Hồ sơ	100.000 đồng	50.000 đồng

de

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Đối với tổ chức	Đối với Hộ gia đình, cá nhân
3	Trích sao hồ sơ: bản đồ địa chính, sổ địa chính, sổ mục kê, sổ cấp Giấy chứng nhận; hồ sơ cấp giấy chứng nhận.	Hồ sơ	140.000 đồng	70.000 đồng
III	Sao thông tin chiết xuất từ cơ sở dữ liệu đất đai vào thiết bị lưu trữ: hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, hồ sơ địa chính (có chọn lọc)	Hồ sơ	250.000 đồng	125.000 đồng
IV	Tra cứu thông tin tổng hợp về đất đai: số liệu thống kê, kiểm kê đất đai đã được tổng hợp và xử lý.	Hồ sơ	300.000 đồng	150.000 đồng

ck